

Khu BTTN Lung Ngọc Hoàng

Tên khác:

Lâm trường Phương Ninh

Tỉnh:

Cần Thơ

Diện tích:

6.000 ha

Toa độ:

9°41' - 9°45' N, 105°39' - 105°43' E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Đồng bằng sông Cửu Long

Có quyết định của Chính phủ:

Có

Đã thành lập Ban Quản lý:

Có

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Có

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

B, C

Đáp ứng các tiêu chí xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Không

Đánh giá công cụ theo dõi:

Không

Có bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Lung Ngọc Hoàng nằm ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ. Trước năm 2002, Lung Ngọc Hoàng có chức năng là rừng sản xuất trực thuộc sự quản lý của Lâm trường Phương Ninh (Buckton *et al.* 1999). Theo đề xuất của UBND tỉnh Long An, Lung Ngọc Hoàng đã được phê duyệt thành lập khu bảo tồn thiên nhiên theo Quyết định 13/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/01/2002 với diện tích 2.805 ha. Kế hoạch đầu tư đã được xây dựng và được Bộ NN&PTNT phê duyệt. Hiện tại, Ban quản lý đã được thành lập với 58 cán bộ biên chế, 17 cán bộ hợp đồng (Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cần Thơ, 2003).

Lung Ngọc Hoàng có trong danh lục các khu rừng đặc dụng Việt Nam đến năm 2010 được xây dựng bởi Cục Kiểm lâm - Bộ NN&PTNT với diện tích 6.000 ha (Cục Kiểm lâm, 2003), danh lục này hiện vẫn chưa được Chính phủ phê duyệt.

Địa hình và thủy văn

Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng nằm trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong khu vực có một hệ thống các kênh đào dày đặc.

Đa dạng sinh học

Lung Ngọc Hoàng có 3 kiểu thảm thực vật chính: rừng tràm, đầm lầy và trảng cỏ. Rừng Tràm có diện tích lớn nhất, hầu hết diện tích này là rừng trồng Tràm thương mại, có giá trị đa dạng sinh học không cao. Diện tích còn lại là đầm lầy và trảng cỏ có giá trị về đa dạng sinh học cao hơn mặc dù nhiều nơi đang được trồng Tràm non. Khoảng 1/3 diện tích khu vực là đất canh tác lúa và mía (Buckton *et al.* 1999).

Các trảng cỏ có diện tích lớn với loài cỏ Năng ngọt *Eleocharis dulcis* mọc hỗn giao với Cỏ chỉ *Cynodon dactylon* và rải rác có Tràm tái sinh. Có 3 loại hình trảng cỏ khác nhau trong khu vực là: các bãi Đưng *Scleria poaefearmis*, gồm có cỏ Năng và các loài thuộc họ Cỏ Poaceae; bãi Cỏ mỡ *Hymenachne acutigluma* chiếm ưu thế ở các bờ kênh; và bãi Sậy *Phragmites vallatoria* xuất hiện thành từng đám cao và dày (Buckton *et al.* 1999).

Quần xã thực vật thủy sinh ở các kênh đào chủ yếu là các loài Lục bình *Eichhornia crassipes*, Bèo cái *Pistia stratiotes*, Bèo ong (Bèo tai chuột) *Salvinia cucullata*, Rau muống *Ipomoea aquatica*, Rau mương *Ludwigia adscendens*, Cỏ sức nước *Centrostachys aquatica*, Bèo dâu *Azolla pinnata*, Bèo trống *Spirodela polyrrhiza* và Bèo cám *Lemna aequinoxialis* (Buckton *et al.* 1999).

Các loài chim nước ở Lung Ngọc Hoàng không đa dạng. Không có loài bị đe dọa hoặc sắp bị đe dọa toàn cầu nào được ghi nhận trong khu vực. Các loài chim nước có kích thước lớn rất hiếm, chỉ có một số loài Cò, Diệc xuất hiện trong khu vực vào mùa khô. Tuy nhiên, trong mùa mưa cũng có một số lượng tương đối lớn các loài chim xuất hiện trong khu vực như: Gà lôi nước Ấn Độ *Metopidius indicus* và Cò đen *Dupetor flavicollis*. Khu hệ chim ở rừng Tràm trồng nghèo về thành phần loài, chỉ gặp các loài như: Rẻ quạt *Rhipidura javanica*, Hút mật họng tím *Nectarinia jugularis* và Vành khuyên *Zosterops palpebrosa* (Buckton *et al.* 1999).

Các nhóm động vật khác của khu vực chưa được nghiên cứu.

Các vấn đề về bảo tồn

Trồng Tràm thương phẩm là mối đe dọa chủ yếu đối với sinh cảnh rừng ở Lung Ngọc Hoàng. Kinh doanh rừng Tràm đã tác động tới đa dạng sinh học. Thứ nhất, việc khai thác gỗ làm nhiễu loạn các quần thể chim nước trong khu vực. Thứ hai, việc trồng Tràm trên các trảng cỏ và các đầm lầy làm phá hủy sinh cảnh tự nhiên trong vùng. Các hoạt động này thường đe dọa trực tiếp tới các loài chim. Theo một số nguồn tin thì người dân sống xung quanh khu bảo tồn còn dùng các loại bả độc để bẫy chim nhằm bảo vệ mùa màng (Buckton *et al.* 1999).

Các giá trị khác

Chưa có thông tin.

Các dự án có liên quan

Trước năm 1999, Chương trình 327 là nguồn kinh phí chủ yếu cho các hoạt động của Ban quản lý lâm trường, trong đó có công tác bảo vệ rừng. Từ năm 1999, Chương trình 661 thay thế Chương trình 327 và vẫn là nguồn cung cấp kinh phí chính cho các hoạt động của lâm trường.

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Khu vực chưa xây dựng được kế hoạch quản lý.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Lung Ngọc Hoàng hiện không phù hợp để được nhận tài trợ VCF do không đáp ứng được các tiêu chí về tầm quan trọng quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	
A _{II}	
B _I	Quyết định số 13/TTg ngày 14/01/2002
B _{II}	Bảo tồn thiên nhiên
B _{III}	Thuộc sự quản lý của UBND tỉnh
C _I	Ban quản lý đã thành lập
C _{II}	

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa có báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

Buckton, S. T., Nguyen Cu, Ha Quy Quynh and Nguyen Duc Tu (1999) The conservation of key wetland sites in the Mekong Delta. Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme.

Buckton, S. T., Nguyen Cu, Ha Quy Quynh and Nguyen Duc Tu (2000) "The conservation of key wetland sites in the Mekong Delta". Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme. In Vietnamese.

Lao Dong "Labour" (2001) "Investment of nearly 74 billion dong for rehabilitation of 11,641 ha of wetlands at Lung Ngoc Hoang". Lao Dong "Labour" 26 October 2001. In Vietnamese.

Vietnam News (2002) Lung Ngoc Hoang recognised as a marine reserve. Vietnam News, 18 January 2002.

